

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2021.

Về việc: Ly hôn;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Trung và bà Phạm Thị Nga.

Thư ký tòa án ghi biên bản: Bà Nguyễn Thúy Hằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Lê Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 26/8/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 85/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc: Ly hôn

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2021 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Chị **Phùng Thị T** - Sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT: phố B, xã M, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Chỗ ở: Tổ dân phố C, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Trung K**- Sinh năm 1982.

Nơi ĐKKHKT: phố B, xã M, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Chỗ ở: Tổ dân phố C, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

(Chị T có mặt; Anh K vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Phùng Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Trung K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mông Hóa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình vào ngày 22/12/2003. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó một thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh K không chịu làm ăn, nợ nhiều. Hơn nữa, anh K còn nghiện hút chất ma túy nên không giúp đỡ gia đình được, không quan tâm đến vợ con và không đóng góp nuôi con. Tôi có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh K không thay đổi, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã đánh chửi nhau. Vợ chồng tôi đã ly thân từ tháng 01/2021, nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên tôi đề nghị tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh K để vợ chồng giải phóng cho nhau.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Phùng D, sinh ngày 20/7/2004 và cháu Nguyễn Tuấn T1 sinh ngày 26/5/2007. Khi ly hôn, tôi đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Tôi tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Trung K đã đến Tòa trình bày ý kiến và có tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các buổi hòa giải. Tuy nhiên tại phiên tòa ngày hôm nay anh K vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Trung K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Phùng Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mông Hóa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình vào ngày 22/12/2003. Quá trình chung sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó một thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tôi có vay một số khoản nợ ở ngoài xã hội nên có bị đến nhà đòi tiền và uy hiếp tôi trả nợ, vì thế hai vợ chồng xảy ra cãi vã, tuy nhiên tôi đã sắp xếp trả nợ hết. Hiện nay, gia đình tôi không có mâu thuẫn gì. Chị T đã bỏ nhà đi từ đầu năm 2021, Nay chị T đề nghị ly hôn, tôi không đồng ý, do tôi vẫn còn tình cảm với chị T.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Phùng D, sinh ngày 20/7/2004 và cháu Nguyễn Tuấn T1 sinh ngày 26/5/2007. Trong trường hợp nếu ly hôn, tôi đồng ý để chị T nuôi dưỡng chăm sóc cả hai cháu và tôi chưa có khả năng và điều kiện để chăm sóc con nên tôi chưa cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai con chung là cháu Nguyễn Phùng Duy và cháu Nguyễn Tuấn Tú đều có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Phùng Thị T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên những quan điểm đã nêu.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành xác minh:

Bà Nguyễn Thị Liên - tổ trưởng Tổ dân phố Chu, phường Trung Minh và bà Nguyễn Thị Th - Tổ trưởng Tổ dân cư số 3, - Tổ trưởng Tổ phụ nữ số 2 cung cấp: vợ chồng anh Nguyễn Trung K và chị Phùng Thị T sinh sống tại xã Mông Hóa từ năm 2003 đến năm 2005 thì vợ chồng chuyển đến xóm C, xã Trung Minh, thành phố Hòa Bình sinh sống gần nhà bố mẹ chị T, có đăng ký tạm trú tại xóm Chu. Quá trình chung sống, ban đầu vợ chồng có yêu T nhau, tuy nhiên khoảng 6 đến 7 năm gần đây anh K bị bạn bè lôi kéo nên đã nghiện hút chất ma túy, anh K không quan tâm đến gia đình, không cùng chị T làm ăn kinh tế, chăm sóc con cái nên vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Chị T đã bỏ nhà đi từ đầu năm 2021, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc xin ly với anh K thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bà Đinh Thị T3 - người ở sát nhà anh K chị T cung cấp: Anh K nghiện hút chất ma túy từ khoảng 7 đến 8 năm nay nên không quan tâm đến vợ con, có đi làm nhưng không có tiền phụ giúp vợ con, chị T phải gánh vác cho cả gia đình. Chị T đã bỏ đi, ra ngoài thuê nhà sinh sống từ đầu năm 2021, chị T ít về nhà, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay, chị T làm đơn xin ly hôn thì bà cũng đề nghị tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng : Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa

vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Phía bị đơn đã được tổng đạt các giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, nên áp dụng các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Phùng Thị T ly hôn với anh Nguyễn Trung K. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Phùng D, sinh ngày 20/7/2004 và cháu Nguyễn Tuấn T1 sinh ngày 26/5/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh K chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập. Về án phí nguyên đơn chị Phùng Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong Hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình, cụ thể là về việc ly hôn. Đồng thời, bị đơn – anh Nguyễn Trung K có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại phố B, xã Mông Hóa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình và chỗ ở Tổ dân phố C, phường Trung Minh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn - anh Nguyễn Trung K đã được tổng đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án :

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị T và anh Nguyễn Trung K là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh K nghiện chất ma túy và nợ nần nhiều khiến cho cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều bất đồng. Anh K cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng, anh K không nghiện chất ma túy, anh K thừa nhận có vay nợ bên ngoài xã hội tuy nhiên anh K đã tự trả hết. Qua điều tra xác minh tại chính quyền địa phương cho biết anh K có nghiện chất ma túy khiến cho cuộc sống vợ chồng anh K chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn.

Anh K muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị T không chấp nhận do không còn tình cảm, anh K cũng không đưa ra được cách thức, biện pháp để hàn gắn. Chị T đã bỏ nhà đi từ đầu năm 2021, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Từ nhận định trên thấy rằng tình trạng hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung sống không có, không hạnh phúc; mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Chị T và anh K có 02 con chung là Nguyễn Phùng D, sinh ngày 20/7/2004 và cháu Nguyễn Tuấn T1 sinh ngày 26/5/2007. Cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ nên xét thấy cần giao con chung cho chị T chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận chị T chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở và có quyền thay đổi nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, sự tự nguyện phù hợp pháp luật, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và

gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phùng Thị T ly hôn với anh Nguyễn Trung K.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Phùng D, sinh ngày 20/7/2004 và Nguyễn Tuấn T1 sinh ngày 26/5/2007 cho chị Phùng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành. Anh Nguyễn Trung K chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Trung K có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo luật định.

3. Về án phí: Chị Phùng Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo Biên lai số 0001106 ngày 07/4/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phùng Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Trung K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh HB;
- VKSND thành phố HB;
- VKSND tỉnh HB;
- Chi cục THADS thành phố HB;
- UBND phường, xã nơi DS cư trú;
- UBND xã Mông Hóa;
- Dương sự;
- Lưu HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Lan